TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày:03-03-2025

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Võ Tấn Phước

2/- Ông Huỳnh Tài Em

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Trần Thương E, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(*Chị C có đơn xin vắng mặt, anh Em vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Thương E xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị C và anh Trần Thương E có 02 (hai) con chung tên: Trần Ngọc H, sinh ngày 28/10/2006 và Trần Q, sinh ngày 17/9/2010. Hiện cháu Trần Ngọc H đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện cháu Q đang sống cùng với chị C.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị C và anh Em là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay.

Nay, chị Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Trần Thương E. Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung là cháu Trần Q, sinh ngày 17/09/2010, không yêu cầu anh Em cấp dưỡng nuôi con; còn cháu Trần Ngọc H, sinh ngày 28/10/2006 đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị C không còn có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Trần Thương E không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, anh Trần Thương E cũng không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị C theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh Trần Thương E, nhưng anh Trần Thương E không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Trần Thương E là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Q, sinh ngày 17/09/2010 cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Thương E không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị C không yêu cầu.

Anh Trần Thương E được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Thương E, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Thương E có nơi cư trú tại ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C có đơn xin vắng mặt, anh Trần Thương E vắng mặt. Toà án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng dân sự cho anh Trần Thương E để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị C và anh Em theo quy định, nhưng anh Em vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị C và anh Em.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Thương E xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, chị C và anh Em do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, chị C và anh Em đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm. Trong suốt quá trình xét xử vụ án, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Em, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh Em là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị C và anh Em không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, nên căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Em không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, nên không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Trần Thương E là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị C và anh Em có 02 (hai) con chung tên: Trần Ngọc H, sinh ngày 28/10/2006 và Trần Q, sinh ngày 17/9/2010. Hiện cháu Trần Ngọc H đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện cháu Q đang sống cùng với chị C. Khi ly hôn, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Q.Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Em vắng mặt, không có ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " *2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

Xét thấy, tại thời điểm giải quyết, cháu Trần Q đã đủ 07 tuổi trở lên, nên cần phải xem xét nguyện vọng của cháu để giao cháu cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai của cháu Trần Q (BL -25), cháu có nguyện vọng được sống cùng với chị C. Xét thấy, cháu Q hiện đang sống cùng với chị C. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu Q, đồng thời đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu Q, nên cần tiếp tục giao cháu Trần Q cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh Em có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng: Do chị Nguyễn Thị C không yêu cầu anh Trần Thương E phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị C xác định giữa chị Nguyễn Thị C và anh Trần Thương E không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[4] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Trần Thương E là vợ chồng.

2/- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Q, sinh ngày 17 tháng 09 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Thương E không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị C không yêu cầu.

Anh Trần Thương E được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị C xác định không có và không yêu cầu, nên không giải quyết.

4/- Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Thị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005751 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Phan Thị Mỹ Xuyên